TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/DS-ST
Ngày: 13 - 04 - 2022.
"V/v Tranh chấp đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Tùng.

Bà Lê Thị Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2021/TLST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST - DS ngày 22/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-DS ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1/ Ông **Trần Văn T** (Trần Văn V), sinh năm 1969. (có mặt)

2/ Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1958. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm Đ, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn*:

1/ Bà **Nguyễn Thị Thu H**. (vắng mặt)

2/ Ông **Phan Lưu H**. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm Đ, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông **Phan Minh S** (vắng mặt)

2/ Ông **Phan Minh S**. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm Đ, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Do vợ chồng bà với vợ chồng ông Phan Lưu H và bà Nguyễn Thị Thu H là chổ quen biết nhau. Nên vào ngày 19/7/2012 vợ chồng bà có cho vợ chồng ông H và bà H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn ngân hàng với số tiền là 150.000.000 đồng, mượn hai bên có viết giấy tay. Khi đi vay thì hai vợ chồng bà đứng ra làm thủ tục vay và thế chấp với Ngân hàng để vợ chồng ông H lấy tiền. Vay lần đầu vào năm 2012 chỉ vay số tiền 100.000.000 đồng, đến năm 2013 thì đáo hạn khi đó Ngân hàng làm hồ sơ vay số tiền là 150.000.000 đồng, khi đáo hạn thì do vợ chồng bà làm thủ tục, còn tiền thì vợ chồng ông H cũng lấy. Số tiền vay năm 2012 thì phía vợ chồng ông H và bà H đóng đầy đủ. Đến năm 2013 sau khi đáo hạn thì vợ chồng ông H không có trả lãi cũng như vốn và đã bỏ địa phương đi làm ăn. Việc ông H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để vay tiền làm ăn. Do ông H bỏ đi nên bà phải đóng lãi và đến năm 2018 thì đã trả vốn xong. Tuy nhiên, do nợ lãi quá hạn nhiều và bà không có khả năng trả nên phía Ngân hàng đã khởi kiện để yêu cầu trả số tiền nợ quá hạn. Hiện bà chưa lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Đến năm 2018 bà yêu cầu đòi lại số tiền thì phía bà H cùng các con bà H là Phan Minh S và Phan Minh S đã có làm đơn xin trả tháng 2.000.000 đồng nhưng sau đó vẫn không thực hiện.

Nay vợ chồng bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Lưu H và bà Nguyễn Thị Thu H phải hoàn trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn bà đã đóng, tiền lãi quá hạn theo như Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết tại bản án 09/2021/KDTM-PT ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:**

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của vợ ông là bà Nguyễn Thị T ngoài ra không ý kiến gì khác.

* **Bị đơn ông Phan Lưu H, bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phan Minh S và Phan Minh S:** vắng mặt, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía các bị đơn và

những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn buộc các bị đơn trả cho các nguyên đơn tổng số tiền là 288.511.157 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại số tiền 150.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi mà nguyên đơn đã trả cho Ngân hàng nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là "*Tranh chấp đòi lại tài sản*". Đồng thời các bị đơn có địa chỉ cư trú tại khóm 5, phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn ông Phan Lưu H, bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh S, ông Phan Minh S Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng. Nhận thấy, để chứng minh lời trình bày của mình là có cơ sở thì phía nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án "Giấy tay" lập ngày 19/7/2012 với nội dung: "*Tôi tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1970 và chồng Phan Lưu H, sinh năm 1969 cùng ngụ ấp Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Sóc Trăng. Nay tôi làm giấy tay này để làm bằng chứng có mượn bằng khoán đất của hai vợ chồng anh chị tôi ông Trần Văn T, sinh năm 1964, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958 cùng ngụ ấp Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Sóc Trăng để thế chấp ngân hàng với số tiền 150.000.000 đồng để làm ăn, phần lãi suất vợ chồng tôi cùng đóng cho Ngân hàng, hàng tháng, nếu làm ăn thất bại vợ chồng tôi sẽ chịu trách nhiệm cùng anh chị…*". Theo nguyên đơn thì giấy tay là do phía các bị đơn viết. Ban đầu năm 2012 không có làm giấy tay nhưng đến năm 2013 thì đáo hạn và vay số tiền là 150.000.000 đồng nên các nguyên đơn mới yêu cầu bị đơn làm giấy tay.

Đối với việc giấy đề ngày 19/7/2012 thì phía các nguyên đơn cũng không để ý. Xét thấy, ngoài biên nhận nêu trên thì phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án "Giấy xác nhận hỗ trợ" với nội dung "*Đồng ý hỗ trợ gia đình anh Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T mỗi tháng là 2.000.000 đồng"*. Đồng thời, theo hồ sơ của Ngân hàng TMCP Đ cung cấp thể hiện năm 2012 thì nguyên đơn vay số tiền là 100.000.000 đồng. Đến ngày 25/7/2013 đáo hạn và vay thêm số tiền là 150.000.000 đồng. Hiện số tiền vay gốc nguyên đơn đã trả cho Ngân hàng xong. Từ đó, có cơ sở HĐXX xác định nguyên đơn đã đứng ra thế chấp tài sản để vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ cho phía các bị đơn mượn. Hiện nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng xong. Nên đối với việc nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả lại số tiền 150.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 166 và Điều 340 của Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu trả tiền lãi mà nguyên đơn đã trả cho Ngân hàng. Xét thấy, theo nguyên đơn thì khi vay năm 2012 đến khi đáo hạn năm 2013 thì phía các bị đơn thực hiện đầy đủ việc đóng lãi. Tuy nhiên, đến năm 2013 đến nay phía các bị đơn không thực hiện việc trả lãi nên đã phát sinh nợ quá hạn. Theo như các hóa đơn phía nguyên đơn cung cấp thì đây là tiền lãi do nguyên đơn đóng cho Ngân hàng TMCP Đ với tổng cộng là 38.027.500 đồng. Ngoài ra, do không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn nên đã phát sinh lãi quá hạn. Nên Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện nguyên đơn và vụ việc được Tòa án giải quyết bằng bản án 09/2021/KDTM-PT ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng buộc các nguyên đơn trả số tiền 100.372.102 đồng tiền lãi quá hạn. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả số tiền lãi đã đóng tổng cộng là 138.399.602 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích, nhận định nêu trên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 và Điều 340 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T.

1. Buộc các bị đơn ông Phan Lưu H và bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm liên đới trả cho các nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 288.511.157 đồng (*Hai trăm tám mươi tám triệu năm trăm mươi một nghìn một trăm năm mươi bảy đồng*), trong đó tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 138.511.157 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Phan Lưu H và bà Nguyễn Thị Thu H cùng có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.425.558 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi tám đồng*).

Nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn ông Trần Văn T đã nộp 1.875.000 đồng (*Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền án phí số 0001017 ngày 30/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn